



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Vùng hỗ trợ gần quanh 1.700 điểm

ASEANSC Research | 17-08-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến rung lắc

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- VN-Index ghi nhận tuần diễn biến điều chỉnh với thanh khoản tăng nhẹ so với kỳ trước. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.729,08 điểm, giảm 2,2% so với thứ Sáu liền trước. Áp lực bán diễn ra ở nhiều nhóm ngành, trong đó áp lực bán chủ yếu tại các nhóm Bất động sản, Công nghệ và Dầu khí.
- Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới. Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)
- Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ. Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến rung lắc



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm **cơ hội Trading**. Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.
- Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).
- Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường **thuận lợi**. Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.
- Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường. Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 17/08/2026 – 21/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCB	Ngân hàng	57 – 58	60 +/-	Thấp (10% - 30%)
CTG	Ngân hàng	30 – 31	33 +/-	
HDB	Ngân hàng	25 – 26	28 +/-	
SSI	Chứng khoán	23 – 24	26 +/-	
MSN	Bán lẻ	64 – 65	67 +/-	
PVD	Dầu khí	17 – 17,5	19 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

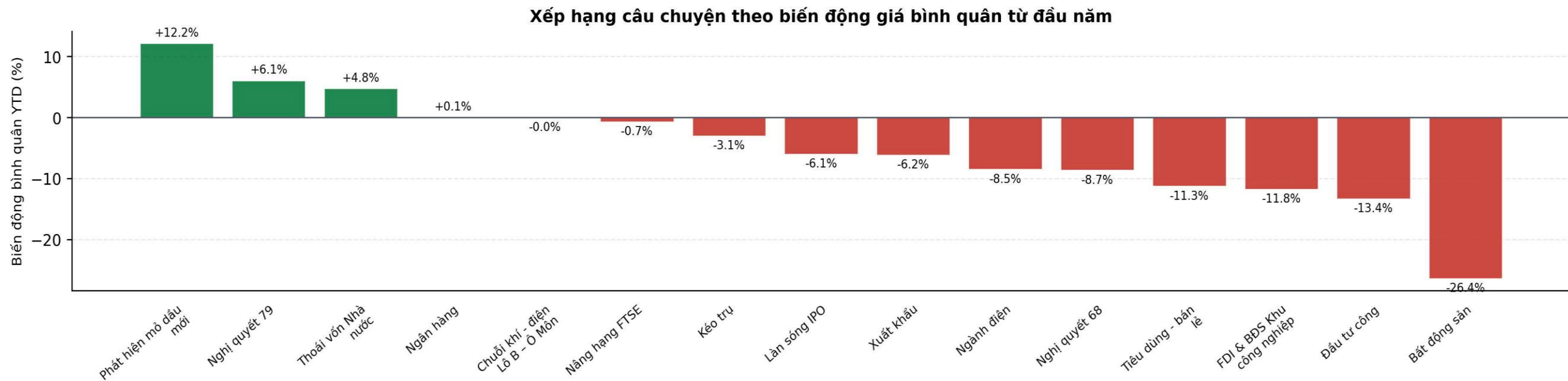
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 10/08/2026 – 04/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
CTG	Ngân hàng	31 – 32	N/A
BID	Ngân hàng	37 – 38	N/A
LPB	Ngân hàng	51 – 52	N/A
HCM	Chứng khoán	24 – 25	N/A
VNM	Thực phẩm	60 – 61	N/A
BSR	Dầu khí	24 – 25	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(69)	21	(48)	13%	5%	12.939	13,8	1,5
VNM	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0
BVH	(435)	70	(365)	18%	31%	72.801	8,4	1,4
POW	(14)	(5)	(19)	18%	20%	7.423	10,3	1,8
VGC	(9)	(9)	(18)	59%	-78%	31.115	15,5	7,0
GAS	77	(40)	37	10%	26%	10.350	20,8	2,0
BSR	278	6	284	12%	7%	40.000	17,5	1,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(1.074)	(306)	(1.380)	26%	20%	17.035	11,6	2,8
HDB	(193)	110	(83)	25%	28%	50.053	6,8	1,4
GMD	428	4	432	21%	44%	4.265	13,0	2,1
DGW	187	47	235	24%	1640%	2.213	11,0	2,4
REE	(45)	0	(45)	13%	15%	6.229	13,5	1,1
VPB	(150)	(151)	(300)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
ACB	354	(247)	107	16%	14%	58.044	8,2	1,3
TCB	3.305	(719)	2.586	15%	10%	70.862	8,4	1,2
MWG	578	(210)	368	29%	525%	14.770	10,8	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(69)	21	(48)	13%	5%	12.939	13,8	1,5
OIL	(26)	(0)	(26)	6%	-10%	2.014	22,3	1,1
GAS	(32)	33	1	19%	12%	24.129	14,4	2,6
PVS	(36)	18	(18)	14%	31%	5.114	8,4	1,1
PVD	18	(10)	7	7%	-224%	5.563	9,0	0,6
BSR	20	55	75	30%	192%	50.073	6,4	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(69)	21	(48)	13%	5%	12.939	13,8	1,5
GVR	278	6	284	12%	7%	40.000	17,5	1,9
BVH	(14)	(5)	(19)	18%	20%	7.423	10,3	1,8
POW	(181)	(13)	(194)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
BID	(435)	70	(365)	18%	31%	72.801	8,4	1,4
GAS	(32)	33	1	19%	12%	24.129	14,4	2,6
BSR	20	55	75	30%	192%	50.073	6,4	1,7
VCB	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0
CTG	(805)	93	(712)	22%	25%	77.669	6,1	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	(704)	210	(494)	30%	1%	20.900	11,7	3,6
DGW	187	47	235	24%	1640%	2.213	11,0	2,4
MSN	251	(136)	116	22%	18%	14.604	13,6	1,9
FRT	140	135	276	28%	-69%	1.788	22,5	4,3
MWG	578	(210)	368	29%	525%	14.770	10,8	2,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	(106)	32	(73)	29%	70%	3.795	5,9	1,4
BCM	77	(40)	37	10%	26%	10.350	20,8	2,0
KBC	(69)	(24)	(93)	5%	112%	9.418	22,0	0,9
VGC	(29)	5	(25)	17%	12%	4.484	12,7	1,5
PHR	(13)	(3)	(16)	21%	7%	1.355	8,4	1,6
SZC	12	(6)	6	5%	6%	1.800	22,0	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	(502)	(73)	(575)	5%	23%	18.852	44,3	2,2
HDB	(193)	110	(83)	25%	28%	50.053	6,8	1,4
BID	(435)	70	(365)	18%	31%	72.801	8,4	1,4
VPB	(150)	(151)	(300)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
MBB	(408)	(76)	(484)	21%	20%	80.550	5,3	1,0
ACB	354	(247)	107	16%	14%	58.044	8,2	1,3
VCB	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0
TCB	3.305	(719)	2.586	15%	10%	70.862	8,4	1,2
CTG	(805)	93	(712)	22%	25%	77.669	6,1	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(574)	(147)	(721)	17%	3%	84.430	7,7	1,3
CTD	16	(0)	15	8%	169%	1.140	8,8	0,7
HHV	22	(2)	20	6%	24%	5.745	8,4	0,4
VCG	75	(3)	72	34%	112%	6.465	2,5	0,8
BMP	(3)	(2)	(5)	43%	73%	819	9,4	4,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(181)	(13)	(194)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
NT2	15	(3)	12	27%	300%	2.879	4,5	1,1
TV2	8	(0)	8	4%	211%	3.762	16,4	0,7
GEG	(45)	0	(45)	13%	15%	6.229	13,5	1,1
REE	(50)	(8)	(58)	17%	38%	4.113	7,2	0,9
PC1	(181)	(13)	(194)	17%	29%	30.678	6,3	0,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(181)	(13)	(194)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
GAS	(32)	33	1	19%	12%	24.129	14,4	2,6
PVS	(36)	18	(18)	14%	31%	5.114	8,4	1,1
PVD	18	(10)	7	7%	-224%	5.563	9,0	0,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trục/bluechips thanh khoản dễ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0
FPT	(1.074)	(306)	(1.380)	26%	20%	17.035	11,6	2,8
VNM	(704)	210	(494)	30%	1%	20.900	11,7	3,6
HPG	(574)	(147)	(721)	17%	3%	84.430	7,7	1,3
BID	(435)	70	(365)	18%	31%	72.801	8,4	1,4
TCB	3.305	(719)	2.586	15%	10%	70.862	8,4	1,2
CTG	(805)	93	(712)	22%	25%	77.669	6,1	1,2
VHM	(60)	(839)	(899)	33%	5%	41.074	3,5	1,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(1.074)	(306)	(1.380)	26%	20%	17.035	11,6	2,8
VNM	(704)	210	(494)	30%	1%	20.900	11,7	3,6
HPG	(574)	(147)	(721)	17%	3%	84.430	7,7	1,3
VPB	(150)	(151)	(300)	17%	35%	79.339	6,7	1,0
MBB	(408)	(76)	(484)	21%	20%	80.550	5,3	1,0
VCB	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0
TCB	3.305	(719)	2.586	15%	10%	70.862	8,4	1,2
VHM	(60)	(839)	(899)	33%	5%	41.074	3,5	1,0
SSI	(323)	268	(55)	13%	17%	25.031	11,7	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	100	(5)	96	6%	-2%	4.851	16,8	0,7
PDR	(15)	7	(8)	5%	-9%	9.978	19,3	0,9
KDH	(99)	(29)	(128)	12%	17%	11.222	11,3	1,0
VHM	(60)	(839)	(899)	33%	5%	41.074	3,5	1,0
TCH	(8)	(20)	(27)	3%	13%	9.121	35,4	0,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	139	(57)	82	17%	76%	24.349	15,9	2,3
TCX	62	(78)	(16)	14%	21%	27.739	17,8	2,4
VCI	(9)	(6)	(15)	9%	12%	11.476	16,3	1,4
MBS	(142)	2	(140)	14%	20%	10.010	10,8	1,1
VND	(574)	(24)	(598)	13%	5%	15.223	9,2	1,2
VIX	(241)	279	38	16%	209%	24.503	16,4	0,8
SHS	(609)	(4)	(614)	8%	68%	8.995	13,7	1,1
HCM	64	(31)	32	10%	5%	10.808	20,6	1,9
SSI	(323)	268	(55)	13%	17%	25.031	11,7	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	(644)	(131)	(775)	18%	13%	83.557	11,7	2,0	58.500	56.681	3%	Nâng hạng FTSE
BID	(435)	70	(365)	18%	31%	72.801	8,4	1,4	38.250	38.010	1%	Nghị quyết 79
CTG	(805)	93	(712)	22%	25%	77.669	6,1	1,2	31.450	34.962	-10%	Nghị quyết 79
TCB	3.305	(719)	2.586	15%	10%	70.862	8,4	1,2	32.000	34.230	-7%	Nghị quyết 68
VPB	(150)	(151)	(300)	17%	35%	79.339	6,7	1,0	25.100	27.413	-8%	Nghị quyết 68
HDB	(193)	110	(83)	25%	28%	50.053	6,8	1,4	26.450	28.950	-9%	Nghị quyết 68
TCX	62	(78)	(16)	14%	21%	27.739	17,8	2,4	39.150	37.758	4%	Làn sóng IPO
VCI	(9)	(6)	(15)	9%	12%	11.476	16,3	1,4	21.800	24.617	-11%	Nâng hạng FTSE



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	(1.074)	(306)	(1.380)	26%	20%	17.035	11,6	2,8	68.300	93.709	-27%	Nghị quyết 68
HPG	(574)	(147)	(721)	17%	3%	84.430	7,7	1,3	21.250	23.163	-8%	Nâng hạng FTSE
PVS	(36)	18	(18)	14%	31%	5.114	8,4	1,1	34.500	35.500	-3%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	18	(10)	7	7%	-224%	5.563	9,0	0,6	17.950	17.432	3%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	(704)	210	(494)	30%	1%	20.900	11,7	3,6	61.600	58.438	5%	Nâng hạng FTSE
MSN	251	(136)	116	22%	18%	14.604	13,6	1,9	66.300	76.800	-14%	Nâng hạng FTSE
MWG	578	(210)	368	29%	525%	14.770	10,8	2,9	72.400	86.060	-16%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	20	55	75	30%	192%	50.073	6,4	1,7	25.350	16.069	58%	Nghị quyết 79
IDC	(106)	32	(73)	29%	70%	3.795	5,9	1,4	33.600	31.380	7%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	(408)	(76)	(484)	21%	20%	80.550	5,3	1,0	20.000	20.304	-1%	Ngân hàng
ACB	354	(247)	107	16%	14%	58.044	8,2	1,3	22.150	20.694	7%	Nghị quyết 68
VHM	(60)	(839)	(899)	33%	5%	41.074	3,5	1,0	68.200	63.844	7%	Bất động sản
CTD	16	(0)	15	8%	169%	1.140	8,8	0,7	62.000	71.043	-13%	Đầu tư công
GEX	(518)	271	(248)	10%	78%	13.085	23,5	0,9	24.650	28.272	-13%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**